

Họ và tên:

Lớp:

TOÁN 2 – PHÉP CỘNG CÓ NHỚ SỐ CÓ 2 CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ 1 CHỮ SỐ

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Cho phép tính $36 + 6$. Chọn đáp án đặt tính và tính đúng.

A.
$$\begin{array}{r} 36 \\ + 6 \\ \hline 42 \end{array}$$

B.
$$\begin{array}{r} 36 \\ + 6 \\ \hline 32 \end{array}$$

C.
$$\begin{array}{r} 36 \\ + 6 \\ \hline 366 \end{array}$$

D.
$$\begin{array}{r} 36 \\ + 6 \\ \hline 30 \end{array}$$

Câu 2. Kết quả của phép tính $48 + 3$ là bao nhiêu?

A. 41

B. 51

C. 53

D. 61

Câu 3. Phép tính nào dưới đây có kết quả lớn nhất?

A. $86 + 6$

B. $11 + 9$

C. $43 + 8$

D. $24 + 8$

Phần II. Tự luận

Bài 1. Tính:

a) $73 + 8 = \dots$

b) $83 + 8 = \dots$

c) $39 + 9 = \dots$

d) $26 + 4 = \dots$

Bài 2. Tính:

a)
$$\begin{array}{r} 89 \\ + 9 \\ \hline \dots \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 35 \\ + 8 \\ \hline \dots \end{array}$$

c)
$$\begin{array}{r} 59 \\ + 1 \\ \hline \dots \end{array}$$

d)
$$\begin{array}{r} 84 \\ + 9 \\ \hline \dots \end{array}$$

Bài 3. Đặt tính rồi tính:

$6 + 46$

$46 + 46$

$75 + 7$

$49 + 17$

a)
$$\begin{array}{r} \dots \\ \dots \\ \dots \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} \dots \\ \dots \\ \dots \end{array}$$

c)
$$\begin{array}{r} \dots \\ \dots \\ \dots \end{array}$$

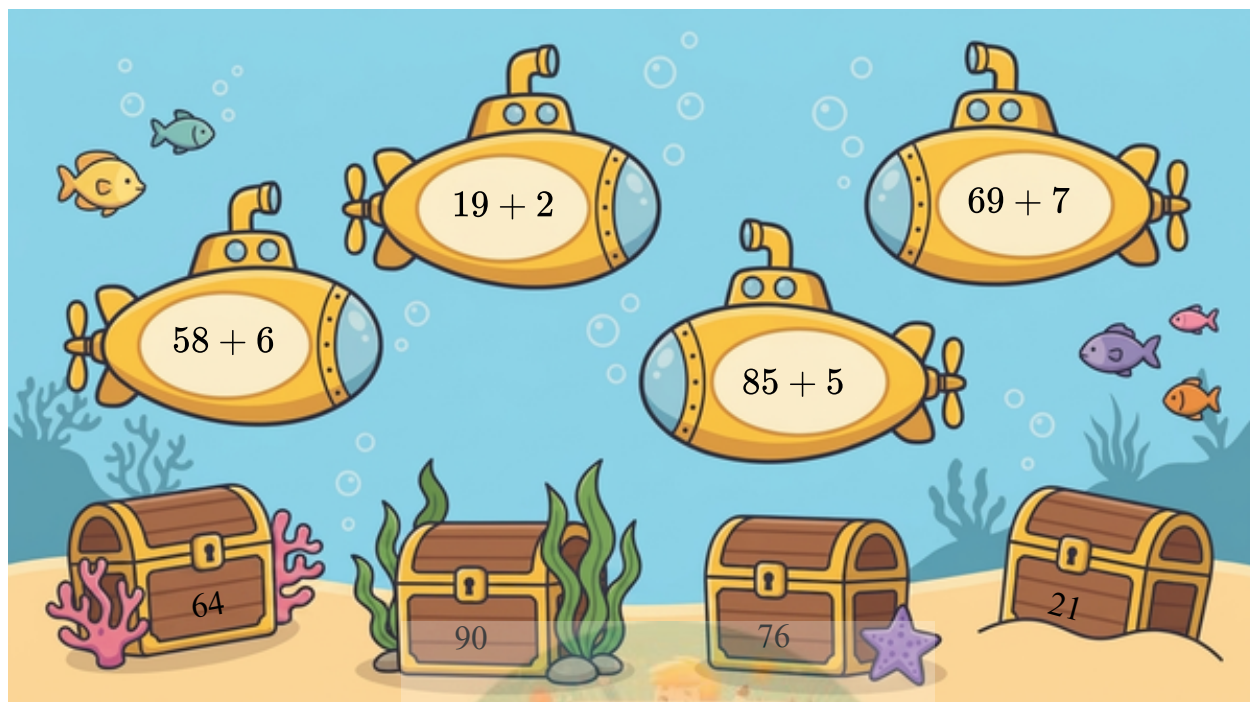
d)
$$\begin{array}{r} \dots \\ \dots \\ \dots \end{array}$$

Bài 4. Chiếc bút màu đỏ dài 30 cm. Chiếc bút màu xanh dài hơn Chiếc bút màu đỏ 9 cm. Hỏi Chiếc bút màu xanh dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài giải

.....

Bài 5. Nối mỗi phép tính với kết quả đúng.



Bài 6. Tính:

- a) $6 + 54 + 4 = \dots\dots$ b) $3 + 7 + 50 = \dots\dots$ c) $85 + 4 + 6 = \dots\dots$ d) $7 + 27 + 3 = \dots\dots$

Bài 7. Lớp 3A có 59 học sinh. Lớp 3B có nhiều hơn Lớp 3A là 8 học sinh. Hỏi Lớp 3B có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

Bài 8. Tâm có 85 quyển vở. Tâm được cho thêm 6 quyển vở nữa. Hỏi Tâm có tất cả bao nhiêu quyển vở?

Bài giải

---HẾT---